



# SỔ TAY VĂN BẢN PHÁP LUẬT

SỐ 33

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Năm 2018 – Tập II

## Nội dung

	<i>Trang</i>
<b>Phần I. Những nội dung cần lưu ý về thuế, lao động tiền lương</b>	03
<b>Phần II. Tóm lược các văn bản pháp quy đã ban hành trong 6 tháng cuối năm 2018</b>	
1. Thuế GTGT	6
2. Thuế TNDN	10
3. Thuế TNCN	11
4. Thuế khác, phí và lệ phí	14
5. Xuất nhập khẩu	14
6. Kế toán tài chính	17
7. Lao động tiền lương	17

*Sổ tay này chỉ có giá trị thông tin và tổng hợp. Trong trường hợp áp dụng cụ thể bạn đọc phải căn cứ vào nội dung toàn văn của các văn bản pháp luật tương ứng hoặc sự hướng dẫn của các chuyên gia tư vấn của AAC*

**Viết tắt**

CP

*Chính phủ*

TTCP

*Thủ tướng Chính phủ*

BTC

*Bộ Tài chính*

BCT

*Bộ Công thương*

BLĐTBXH

*Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội*

NHNN

*Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*

TCT

*Tổng Cục thuế*

Thuế GTGT

*Thuế Giá trị gia tăng*

Thuế TNDN

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế TNCN

*Thuế thu nhập cá nhân*

NĐ

*Nghị định*

TT

*Thông tư*

QĐ

*Quyết định*

CV

*Công văn*

## PHẦN I. NHỮNG NỘI DUNG LƯU Ý VỀ THUẾ VÀ LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

### THUẾ

#### 1. Lưu ý khi quyết toán thuế TNDN năm 2018

Năm 2018, hệ thống văn bản pháp luật về thuế TNDN không có nhiều thay đổi. Các quy định về doanh thu tính thuế, chi phí được trừ, thu nhập khác, chuyển lỗ,... vẫn áp dụng tương tự như năm tài chính 2017. Để thuận tiện cho quý khách hàng trong việc quyết toán thuế TNDN cho năm tài chính 2018, chúng tôi xin tổng hợp một số điểm cần lưu ý thêm trong năm 2018 như sau:

##### *Về chi phí lãi vay áp dụng cho doanh nghiệp có giao dịch liên kết theo Nghị định số 20/2017/NĐ-CP*

Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ban hành ngày 24/02/2017 và áp dụng cho các đối tượng nộp thuế TNDN theo phương pháp kê khai và có phát sinh giao dịch với các bên có quan hệ liên kết theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

Về chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN, tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20 quy định:

“3. Tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ của người nộp thuế.

Quy định này không áp dụng đối với người nộp thuế là đối tượng áp dụng của Luật các tổ chức tín dụng và Luật kinh doanh bảo hiểm.”

Như vậy, đối với người nộp thuế thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định 20, tổng mức chi phí lãi vay được trừ theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20 được tính trên tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, không phân biệt lãi vay phát sinh với bên liên kết hay bên độc lập. Phần chi phí lãi vay vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ của người nộp thuế không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Trường hợp tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ của Công ty (hay còn gọi là chỉ số EBITDA) nhỏ hơn 0 thì toàn bộ chi phí lãi vay trong kỳ tính thuế của người nộp thuế không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Đối với những vướng mắc phát sinh có liên quan tới quy định xác định chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN (như thời điểm có hiệu lực thi hành của Nghị định số 20, hay trường hợp tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay cộng chi phí khấu hao trong kỳ (EBITDA) nhỏ hơn hoặc bằng không (0) v.v.), theo trả lời của Tổng Cục thuế tại Công văn số 3790/TCT-DNL ngày 05/10/2018 thì đây là những nội dung vượt thẩm quyền giải quyết của Tổng cục Thuế. Do đó, Tổng cục Thuế ghi nhận kiến nghị của các đơn vị đề báo cáo Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét giải quyết và có hướng dẫn chung để cộng đồng doanh nghiệp biết và thực hiện.

##### *Về một số khoản chi phí được trừ và không được trừ khác*

Trong năm 2018, một số quy định về chi phí được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN có sự thay đổi theo hướng dẫn tại Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16/03/2018. Cụ thể:

- Bổ sung thêm trường hợp doanh nghiệp có chuyển nhượng một phần vốn hoặc chuyển nhượng toàn bộ doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật, nếu có chuyển giao tài sản thì doanh nghiệp nhận chuyển nhượng chỉ được trích khấu hao tài sản cố định vào chi phí được trừ đối với các tài sản chuyển giao đủ điều kiện trích khấu hao theo giá trị còn lại trên sổ sách kế toán tại doanh nghiệp chuyển nhượng. Quy định này trái ngược hoàn toàn với trả lời của Bộ Tài chính tại Công văn 14881/BTC-CST ngày 03/11/2017 mà chúng tôi đã đề cập tại Sổ tay Văn bản pháp luật số 31.
- Khoản chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động vượt định mức quy định hoặc không ghi cụ thể điều kiện được hưởng trong hồ sơ sẽ không được trừ khi tính thuế TNDN. Trước đây, khoản chi phí này không bị khống chế.
- Tăng mức chi được trừ khi tính thuế TNDN đối với các khoản trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện, bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động,... lên tối đa 03 triệu đồng/tháng/người; nhưng phải đảm bảo yêu cầu sau:

+ Được ghi cụ thể điều kiện hưởng và mức hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty.

+ DN phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về nghĩa vụ bắt buộc cho người lao động (kể cả trường hợp nợ tiền bảo hiểm bắt buộc);

Trước đây, mức khống chế là 1 triệu đồng/tháng/người và không bao gồm bảo hiểm nhân thọ.

#### *Sửa đổi quy định về ưu đãi đầu tư*

Như nội dung bản tin chúng tôi đã gửi quý khách hàng trong năm 2018, ngày 28/08/2018, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 81/2018/TT-BTC sửa đổi Luật đầu tư 67/2014/QH13 và văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến ưu đãi đầu tư.

Thông tư 81 hướng dẫn về nội dung đảm bảo đầu tư đã được quy định tại Luật Đầu tư 2014. Theo đó, các dự án đầu tư sau đây sẽ được đảm bảo ưu đãi đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành:

- Các dự án đầu tư được cấp giấy phép đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương trước ngày 1/7/2015; và
- Các dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng được thực hiện trước ngày 1/7/2015.

Những dự án trên sẽ được hưởng ưu đãi mức ưu đãi có lợi hơn về thuế TNDN, thuế nhập khẩu và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của văn bản pháp luật có hiệu lực trước thời điểm 1/7/2015 hoặc theo quy định tại các văn bản pháp luật mới được ban hành.

Quy định về đảm bảo ưu đãi đầu tư như hướng dẫn tại Thông tư này đã được quy định tại Luật Đầu tư 2014. Tuy nhiên, Thông tư 83/2016/TT-BTC ngày 17/06/2016 trước đây không áp dụng quy định này cho các dự án đầu tư trước ngày 01/07/2015 (ngày Luật Đầu tư 2014 có hiệu lực thi hành), đây được xem là hướng dẫn không phù hợp với Luật Đầu tư 2014.

Các doanh nghiệp nên rà soát lại mức ưu đãi đầu tư hiện đang áp dụng cho từng dự án đầu tư để xác định mức ưu đãi đầu tư có lợi hơn. Về lĩnh vực và địa bàn ưu đãi đầu tư, doanh nghiệp cần tham chiếu quy định tại Nghị định 218/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 hướng dẫn Luật Đầu tư 2014.

## **2. Lưu ý về thuế TNCN năm 2018**

Tương tự như hệ thống văn bản pháp luật về thuế TNDN, trong năm 2018, các quy định về thuế TNCN không có nhiều thay đổi, các nội dung hướng dẫn quyết toán thuế TNCN như đối tượng phải quyết toán, đối tượng được ủy quyền, căn cứ tính thuế, hồ sơ quyết toán... được kế thừa quy định của các năm trước. Ngoài ra, có một vài nội dung thay đổi về thuế TNCN trong năm 2018, chúng tôi xin lưu ý như sau:

#### *Ngừng áp dụng ưu đãi giảm 50% thuế TNCN cho cá nhân làm việc tại Khu kinh tế*

Trước ngày 10/07/2018, các cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập, kể cả người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại khu kinh tế được giảm 50% thuế TNCN theo quy định tại Khoản 5, Điều 16, Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 và Thông tư 128/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014.

Các văn bản này hết hiệu lực vào ngày 10/07/2018 và được thay thế bằng Nghị định 82/2018/NĐ-CP. Theo quy định tại Nghị định 82, nội dung ưu đãi giảm 50% thuế TNCN cho cá nhân làm việc trong khu kinh tế bị loại bỏ. Theo đó, kể từ ngày 10/07/2018, không áp dụng ưu đãi giảm 50% thuế TNCN cho cá nhân làm việc trong khu kinh tế.

Theo trả lời của Tổng Cục thuế tại Công văn số 5272/TCT-DNNCN ngày 21/12/2018, hiện nay Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) đang dự thảo Thông tư bãi bỏ Thông tư số 128/2014/TT-BTC ngày 5/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc giảm thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân làm việc tại Khu kinh tế. Trong thời gian chờ Thông tư bãi bỏ Thông tư số 128/2014/TT-BTC có hiệu lực, Tổng Cục thuế đề nghị Cục Thuế các tỉnh có khu kinh tế căn cứ quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành để hướng dẫn thực hiện.

Các doanh nghiệp lưu ý quy định này khi chi trả lương cho người lao động và khi kê khai, tính thuế TNCN phải nộp từ ngày 10/07/2018 trở đi.

#### *Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán*

Theo hướng dẫn tại Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16/03/2018, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán, bao gồm: Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Luật chứng khoán. Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Luật chứng khoán và Điều 120 của Luật doanh nghiệp. Thuế TNCN đối với loại thu nhập này là thuế suất toàn phần với mức thuế suất là 0,1% tính trên giá chuyển nhượng (áp dụng từ ngày 01/01/2015).

Hiện nay, một số quan điểm cho rằng, thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần trong công ty cổ phần không áp dụng quy định nêu trên. Tuy nhiên, theo hướng dẫn của Tổng Cục thuế tại Công văn số 2861/TCT-TNCN ngày 23/07/2018, các cá nhân chuyển nhượng vốn trong công ty cổ phần theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán được xác định là chuyển nhượng chứng khoán, theo đó các cá nhân thực hiện kê khai, nộp thuế TNCN theo mức thuế suất 0,1% tính trên giá chuyển nhượng theo hướng dẫn tại Điều 16 và Điều 21 Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

### 3. Quy định về hóa đơn điện tử:

Nghị định 119/2018/NĐ-CP về hóa đơn điện tử đã được Chính phủ chính thức ban hành vào ngày 12/09/2018. Nghị định sẽ có hiệu lực kể từ ngày 1/11/2018. Nghị định này đưa ra yêu cầu bắt buộc các doanh nghiệp phải sử dụng hóa đơn điện tử từ 01/11/2020.

Trong thời gian từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/10/2020, các Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 và số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ vẫn còn hiệu lực thi hành.

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh đã thông báo phát hành hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in, hoặc đã mua hóa đơn của cơ quan thuế để sử dụng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in, hóa đơn đã mua đến hết ngày 31/10/2020.

Đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập trong thời gian từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/10/2020, trường hợp cơ quan thuế thông báo cơ sở kinh doanh thực hiện áp dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định này thì cơ sở kinh doanh thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan thuế. Trường hợp chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin mà tiếp tục sử dụng hóa đơn theo quy định tại các Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và số 04/2014/NĐ-CP thì thực hiện theo quy định của các Nghị định này.

Ngoài ra, tại Công văn số 4763/TCT-CS ngày 29/11/2018, Tổng Cục thuế hướng dẫn:

Trường hợp cơ sở kinh doanh mới thành lập trong thời gian từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/10/2020, cơ quan thuế chưa thông báo cơ sở kinh doanh mới thành lập sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP thì các cơ sở kinh doanh mới thành lập này đăng ký phát hành hóa đơn tự in, hóa đơn đặt in, hóa đơn điện tử hoặc mua hóa đơn của cơ quan thuế để sử dụng (nếu thuộc trường hợp mua hóa đơn) và thực hiện các thủ tục hành chính về hóa đơn theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP.

Trường hợp cơ quan thuế thông báo cơ sở kinh doanh mới thành lập trong thời gian từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/10/2020 thực hiện áp dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP nhưng cơ sở kinh doanh mới thành lập chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin mà đăng ký phát hành hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP thì cơ sở kinh doanh mới thành lập này thực hiện gửi dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP cùng với việc nộp tờ khai thuế GTGT.

## LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

### 1. Tăng lương tối thiểu vùng từ ngày 01/01/2019:

Chính phủ vừa ban hành Nghị định 157/2018/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng.

Từ ngày 1/1/2019, mức lương tối thiểu mỗi tháng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp tùy từng khu vực được điều chỉnh như sau:

Vùng I: 4.180.000 đồng (mức cũ là 3.980.000 đồng)

Vùng II: 3.710.000 đồng (mức cũ là 3.530.000 đồng)

Vùng III: 3.250.000 đồng (mức cũ là 3.090.000 đồng)

Vùng IV: 2.920.000 đồng (mức cũ là 2.760.000 đồng).

Nghị định nêu rõ:

Lương tối thiểu vùng là mức thấp nhất làm cơ sở để doanh nghiệp, người lao động thỏa thuận và trả lương. Mức lương trả cho người lao động làm việc trong điều kiện bình thường, bảo đảm đủ thời giờ làm việc bình thường trong tháng và hoàn thành định mức lao động phải không thấp hơn lương tối

thiểu vùng đối với người làm công việc giản đơn nhất; cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động đã qua học nghề, đào tạo nghề.

Doanh nghiệp không được xóa bỏ hoặc cắt giảm các chế độ tiền lương khi người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, làm việc trong điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại. Các khoản phụ cấp, trợ cấp, tiền thưởng do doanh nghiệp quy định thì thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc trong quy chế của doanh nghiệp.

Ngoài ra, các doanh nghiệp cần lưu ý rằng:

Mức lương tham gia BHXH, BHYT được khống chế bởi 20 lần mức lương tối thiểu chung, từ 1 tháng 7 năm 2018, mức lương này tăng lên 27.800.000 đồng mỗi tháng.

Mức lương tham gia BHTN được khống chế bởi 20 lần mức lương tối thiểu vùng, khoảng từ 58.400.000 đồng đến 83.600.000 mỗi tháng và tùy theo từng vùng.

**2. Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam:**

Ngày 15/10/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 143/2018/NĐ-CP quy định về bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Như vậy, trước ngày 01/12/2018, khoản đóng bảo hiểm bắt buộc chỉ áp dụng cho cá nhân là người Việt Nam. Kể từ ngày 01/12/2018, người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam có giấy phép lao động, chứng chỉ hành nghề, giấy phép hành nghề do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp và có hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc thời hạn từ đủ 01 năm trở lên thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Người nước ngoài di chuyển nội bộ tiếp tục làm việc theo hợp đồng lao động ở nước ngoài và được cử sang Việt Nam không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm bắt buộc.

Mức đóng bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam cụ thể như sau:

	Người sử dụng lao động	Người lao động	Ngày hiệu lực
Ôm đau và thai sản	3%	-	01/12/2018
Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0,5%	-	01/12/2018
Hưu trí và tử tuất	14%	8%	01/01/2022
Tổng	17,5%	8%	

Nghị định số 143/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2018.

**PHẦN II. TÓM LƯỢC CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY ĐÃ BAN HÀNH TRONG 6 CUỐI NĂM 2018**

**THUẾ GTGT**

- 1. Quà biếu, quà tặng:** Trường hợp Công ty có mua hàng hóa làm quà biếu, quà tặng để khuyến mại nếu đáp ứng các quy định về khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại thì giá tính thuế được xác định bằng không (0), Công ty không phải nộp thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động khuyến mại này. Số thuế GTGT đầu vào của hoạt động khuyến mại này được kê khai khấu trừ theo quy định. Trường hợp Công ty mua hàng hóa làm quà biếu tặng cho khách hàng và nhân viên thì Công ty phải lập hóa đơn và tính thuế GTGT đầu ra. Thuế GTGT đầu vào phục vụ hàng hóa cho, tặng có tính thuế GTGT đầu ra được kê khai, khấu trừ theo quy định. Trường hợp Công ty chưa kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào thì được kê khai bổ sung theo quy định của pháp luật quản lý thuế. **(CV số 16428/BTC-CST ngày 28/12/2018)**
- 2. Ngày lập hóa đơn đối với bán hàng hóa:** Ngày lập hóa đơn đối với bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua. Trường hợp Công ty mua hàng hóa của bên bán để sản xuất hàng xuất khẩu, theo hợp đồng mua bán, Bên bán xuất nệm kèm theo phiếu xuất kho, Bên mua nhận hàng và nhập kho, định kỳ hàng tháng hai bên tiến hành đối chiếu hàng hóa làm cơ sở Bên bán xuất hóa đơn GTGT cho Bên mua để Bên mua kê khai thuế là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 219/2013/TT-BTC và khoản 2 Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC. **(CV số 5415/TCT-CS ngày 28/12/2018)**

**3. Sử dụng hóa đơn điện tử:**

Về tiêu thức “Dấu của người bán”: Trường hợp tổ chức đáp ứng các điều kiện chuyển đổi HĐĐT ra giấy theo quy định của Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính và hệ thống HĐĐT cho phép kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi HĐĐT sang giấy và chỉ được chuyển đổi 01 lần thì trên HĐĐT chuyển đổi sang giấy của tổ chức không nhất thiết phải có dấu của người bán. tổ chức chịu trách nhiệm về việc chuyển đổi HĐĐT sang giấy.

Chữ ký điện tử của người mua hàng: trường hợp người mua không phải là đơn vị kế toán hoặc là đơn vị kế toán nếu có các hồ sơ, chứng từ chứng minh việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ giữa tổ chức với người mua như: hợp đồng kinh tế, phiếu xuất kho, biên bản giao nhận, biên nhận thanh toán, phiếu thu, hồ sơ chứng từ liên quan khác thì tổ chức lập hóa đơn điện tử cho người mua theo quy định, trên hóa đơn điện tử không nhất thiết phải có chữ ký điện tử của người mua.

Lập HĐĐT có số dòng nhiều hơn một trang: Tổ chức được thể hiện hóa đơn nhiều hơn một trang nếu trên phần đầu trang sau của hóa đơn có hiển thị: cùng số hóa đơn như của trang đầu (do hệ thống máy tính cấp tự động); cùng tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua, người bán như trang đầu; cùng mẫu và ký hiệu hóa đơn như trang đầu; kèm theo ghi chú bằng tiếng Việt không dấu “tiếp theo trang trước - trang X/Y” (trong đó X là số thứ tự trang và Y là tổng số trang của hóa đơn đó).

**(CV số 5305/TCT-DNL ngày 25/12/2018)**

**4. Xuất hóa đơn cho khách hàng là cá nhân:** Trường hợp Công ty bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ 200.000 đồng trở lên mỗi lần, người mua không lấy hóa đơn hoặc không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế (nếu có) thì Công ty phải lập hóa đơn và ghi rõ “người mua không lấy hóa đơn” hoặc “người mua không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế. **(CV số 5309/TCT-DNL ngày 25/12/2018)**

**5. Khấu trừ, hoàn thuế:** Trường hợp Công ty có ngành nghề kinh doanh sản xuất hàng may sẵn để xuất khẩu và bán ở thị trường nội địa, Công ty có đầu tư xây dựng trường mầm non phục vụ việc trông giữ con của cán bộ, công nhân viên trong Công ty và có thu tiền để hỗ trợ hoạt động trông giữ trẻ thì hoạt động nuôi dạy, trông giữ trẻ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT nên số thuế GTGT đầu vào tương ứng với giá trị đầu tư xây dựng và chi phí khác của trường mầm non không được khấu trừ, hoàn thuế GTGT theo quy định. **(CV số 5205/TCT-CS ngày 19/12/2018)**

**6. Thuế GTGT hoạt động cho thuê bản quyền phần mềm:** Trường hợp Công ty ký hợp đồng với khách hàng để cung cấp dịch vụ cho thuê bản quyền phần mềm Microsoft nếu hoạt động cho thuê bản quyền phần mềm là hoạt động cung cấp bản quyền phần mềm và thuộc các loại dịch vụ phần mềm quy định tại Điều 9 Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/05/2007 của Chính phủ thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT **(CV số 5133/TCT-CS ngày 14/12/2018)**

**7. Thuế GTGT đối với chuyển nhượng bất động sản:** Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản thì giá tính thuế GTGT là giá chuyển nhượng bất động sản trừ (-) giá đất được trừ để tính thuế GTGT

Tuy nhiên do “chuyển quyền sử dụng đất” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT nên đối với hoạt động chuyển quyền sử dụng đất, giá tính thuế GTGT không phải được tính trên toàn bộ giá chuyển nhượng (giá bán) mà cơ sở kinh doanh được trừ giá đất theo nguồn gốc đất (giá tại thời điểm nhận chuyển nhượng hoặc giá được giao đất). Cụ thể:

Giá tính thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng BĐS = Giá chuyển nhượng BĐS (giá bán) - Giá đất được trừ (giá đất được trừ được xác định theo nguồn gốc đất).

Tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 3 Điều 3 Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015, Thông tư số 26/2015/T-BTC ngày 27/2/2015 đã quy định giá đất được trừ trong các trường hợp khác nhau).

Theo đó trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế GTGT là giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất bao gồm cả giá trị cơ sở hạ tầng (nếu có); cơ sở kinh doanh không được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của cơ sở hạ tầng đã tính trong giá trị quyền sử dụng đất được trừ không chịu thuế GTGT. Nếu giá đất được trừ không bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng thì cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của cơ sở hạ tầng chưa tính trong giá trị quyền sử dụng đất được trừ không chịu thuế GTGT.

**(CV số 5036/TCT-CS ngày 13/12/2018)**

**8. Hoàn thuế GTGT:** Trường hợp Công ty là doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư đã được xử lý hoàn thuế của dự án đầu tư đến hết kỳ kê khai tháng 5/2017 tại tờ khai 02/GTGT. Từ kỳ khai thuế tháng 6/2017, Công ty đi vào hoạt động, phát sinh doanh thu, Công ty kê khai số thuế còn được khấu trừ của dự án đầu tư cùng thuế GTGT được khấu trừ của hoạt động sản xuất kinh doanh tại tờ khai 01/GTGT thì Công ty không thuộc trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư

theo Khoản 3, Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính. **(CV số 4781/TCT-KK ngày 30/11/2018)**

9. **Hóa đơn bán hàng hóa là tài sản kê biên:** Trường hợp cơ quan nhà nước không thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có bán đấu giá tài sản, trường hợp giá trúng đấu giá là giá bán đã có thuế giá trị gia tăng được công bố rõ trong hồ sơ bán đấu giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì được cấp hóa đơn giá trị gia tăng để giao cho người mua. **(CV số 4657/TCT-CS ngày 15/11/2018)**

10. **Kê khai, hoàn thuế GTGT:**

Trường hợp dự án đầu tư do Công ty trực tiếp quản lý được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật đầu tư, Công ty thành lập Chi nhánh nhằm mục đích bàn giao dự án đầu tư cho Chi nhánh quản lý sau khi dự án hoàn thành, đi vào hoạt động:

Nếu dự án đầu tư chia ra nhiều giai đoạn, hạng mục đầu tư: Đối với hạng mục đầu tư đã hoàn thành, phát sinh doanh thu thì không được hoàn thuế GTGT đầu vào phát sinh sau thời điểm phát sinh doanh thu, số thuế GTGT đầu vào phát sinh trước thời điểm phát sinh doanh thu nếu đáp ứng điều kiện khấu trừ, điều kiện tại Khoản 3 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính thì được xem xét giải quyết hoàn thuế. Công ty bàn giao số thuế GTGT đầu vào chưa được hoàn, số thuế GTGT đầu ra của hạng mục đầu tư phát sinh doanh thu cho Chi nhánh để kê khai trên tờ khai mẫu 01/GTGT nộp cơ quan thuế quản lý trực tiếp Chi nhánh tại địa bàn phát sinh doanh thu.

Đối với những hạng mục còn lại đang đầu tư, Công ty tiếp tục kê khai số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư trên tờ khai thuế GTGT mẫu 02/GTGT và thực hiện bù trừ với việc kê khai thuế GTGT của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện trên tờ khai thuế GTGT mẫu 01/GTGT. Trường hợp sau khi thực hiện bù trừ, số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết thì Công ty đề nghị cơ quan thuế quản lý trực tiếp giải quyết hoàn thuế theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính.

Nếu dự án đầu tư không chia giai đoạn, hạng mục đầu tư mà dự án đầu tư đã phát sinh doanh thu thì không được hoàn thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư phát sinh sau thời điểm phát sinh doanh thu, số thuế GTGT đầu vào phát sinh trước thời điểm phát sinh doanh thu nếu đáp ứng điều kiện khấu trừ, điều kiện tại Khoản 3 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính thì được xem xét giải quyết hoàn thuế. Công ty bàn giao số thuế GTGT đầu vào chưa được hoàn, số thuế GTGT đầu ra của dự án đầu tư cho Chi nhánh kê khai trên tờ khai mẫu 01/GTGT tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp Chi nhánh tại địa bàn phát sinh doanh thu.

**(CV số 4261/TCT-KK ngày 01/11/2018)**

11. **Hoàn thuế GTGT nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu:**

Trường hợp nguyên liệu, hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu không phải là trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu theo quy định tại Luật số 106/2016/QH13 và Nghị định số 100/2016/NĐ-CP vì nguyên liệu, hàng hóa nhập khẩu này khi xuất khẩu không còn giữ nguyên trạng như ban đầu.

Trường hợp hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài (thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại khoản 20 Điều 5 Luật thuế GTGT) đã nộp thuế GTGT tại khâu nhập khẩu thì số thuế GTGT đã nộp được xác định là số thuế nộp thừa và cơ quan hải quan thực hiện hoàn thuế theo hướng dẫn tại khoản 64 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC.

Trường hợp hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu không theo hợp đồng gia công ký kết với bên nước ngoài (không thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại khoản 20 Điều 5 Luật thuế GTGT), khi nhập khẩu doanh nghiệp phải kê khai nộp thuế GTGT theo quy định, khi xuất khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và cơ quan thuế thực hiện hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa xuất khẩu theo quy định.

**(CV số 12247/BTC-CST ngày 05/10/2018)**

12. **Hoàn trả tiền thuế GTGT nộp thừa:** Người nộp thuế đang hoạt động, có số tiền thuế Giá trị gia tăng đã nộp vào Ngân sách nhà nước lớn hơn số thuế phát sinh phải nộp, sau khi thực hiện bù trừ theo quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 33 Thông tư số 156/2013/TT-BTC mà vẫn còn số tiền thuế Giá trị gia tăng nộp thừa thì được giải quyết hoàn số thuế nộp thừa theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

Người nộp thuế gửi hồ sơ đề nghị hoàn số thuế nộp thừa đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý để được giải quyết hoàn thuế. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp NNT có trách nhiệm kiểm soát, xác định đúng số nộp thừa được hoàn và giải quyết hoàn thuế nộp thừa theo đúng quy định.



**(CV số 4236/TCT-KK ngày 31/10/2018)**

13. **Chính sách thuế đối với quà biếu, quà tặng:** Theo quy định tại Điều 5 Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 quy định về đối tượng không chịu thuế thì hàng hóa nhập khẩu là quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng. Như vậy không có quy định hàng hóa là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân Việt Nam cho tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài về và tặng cho trường Đại học thì hàng hóa nhập khẩu không được miễn thuế nhập khẩu và thuế GTGT. **(CV số 6719/TXNK-CST ngày 31/10/2018)**

14. **Bù trừ thuế GTGT của dự án đầu tư:** Trường hợp Công ty đã kê khai thuế GTGT đầu vào dùng cho dự án đầu tư trên tờ khai 02/GTGT và có đề nghị kết chuyển toàn bộ số thuế GTGT của dự án đầu tư sang tờ khai thuế GTGT của hoạt động sản xuất kinh doanh (mẫu 01/GTGT) thì Công ty kê khai số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết của dự án đầu tư vào chỉ tiêu “Điều chỉnh tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước” (chỉ tiêu 38) trên tờ khai 01/GTGT và chỉ tiêu “Thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư chưa được hoàn bàn giao cho doanh nghiệp mới thành lập trong kỳ” (chỉ tiêu 31) trên tờ khai 02/GTGT. **(CV số 4161/TCT-KK ngày 26/10/2018)**

15. **Sửa đổi quy định về thuế GTGT:**

Trong tháng 8/2018, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 82/2018/TT-BTC (“Thông tư 82”) sửa đổi quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 (“Thông tư 219”)

Thông tư 82 bãi bỏ nội dung ví dụ 37 quy định tại điểm a.4 Khoản 10 Điều 7 Thông tư số 219.

Theo Ví dụ 37 tại Điểm a.4, Khoản 10, Điều 7, Thông tư 219, trường hợp doanh nghiệp có lợi nhuận phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã mua trước đó (doanh nghiệp không đầu tư xây dựng gì trên mảnh đất này từ lúc mua đến lúc bán) sẽ thực hiện lập hóa đơn GTGT và kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định. Thông tư 82 đã loại bỏ ví dụ này, điều đó có thể hiểu rằng doanh nghiệp không phải nộp thuế GTGT liên quan đến hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong trường hợp nêu trên. Quy định này phù hợp với hướng dẫn tại Điều 4, Thông tư 219 về đối tượng không chịu thuế GTGT, trong đó có hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

16. **Hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư:** Cơ sở kinh doanh có dự án đầu tư xây dựng nhà để bán hoặc cho thuê mà không hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào nhưng không được hoàn thuế GTGT của dự án đầu tư. Việc xác định tài sản cố định và tài sản không phải là tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính. **(CV số 3154/TCT-CS ngày 15/08/2018)**

17. **Chính sách thuế GTGT đối với tàu đánh bắt xa bờ:** Từ ngày 01/01/2015, tàu đánh bắt xa bờ là tàu có công suất máy chính từ 90CV trở lên làm nghề khai thác hải sản hoặc dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác hải sản; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ khai thác, bảo quản sản phẩm cho tàu cá có tổng công suất máy chính từ 90CV trở lên làm nghề khai thác hải sản hoặc dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác hải sản thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Do đó, chủ tàu khai thác hải sản không được hoàn thuế giá trị gia tăng khi đóng mới hoặc nâng cấp tàu dùng để khai thác hải sản nêu trên.

Khi bán hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT, người bán lập hóa đơn, kê khai và nộp thuế theo quy định. Cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT và được hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư sản xuất hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo quy định.

Khi bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT, người bán lập hóa đơn GTGT giao cho người mua, trên hóa đơn GTGT chỉ ghi dòng giá bán là giá thanh toán, dòng thuế suất, số thuế GTGT không ghi và gạch bỏ. Cơ sở kinh doanh không được kê khai, khấu trừ và hoàn thuế GTGT đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT.

Trường hợp, cơ sở kinh doanh có dự án đầu tư vừa đầu tư vào sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng, vừa đầu tư vào sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản được tạm khấu trừ theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra theo phương án sản xuất, kinh doanh của cơ sở kinh doanh, số thuế tạm khấu trừ được điều chỉnh theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong ba năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu.

**(CV số 3075/TCT-CS ngày 09/08/2018)**

18. **Hoàn thuế GTGT đối với hoạt động xuất khẩu:** Trường hợp Công ty đề nghị hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, trong tháng/quý vừa có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hóa, dịch vụ bán trong nước thì Công ty phải hạch toán riêng số thuế GTGT đầu vào sử dụng cho SXKD hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ của các kỳ kê khai thuế GTGT tính từ kỳ kê khai tiếp theo kỳ hoàn thuế liên trước đến kỳ hoàn thuế hiện tại. Số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu sau khi bù trừ với số thuế GTGT phải nộp của hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nước còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì Công ty được hoàn thuế cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu theo quy định. Số thuế GTGT được hoàn của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu không vượt quá doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nhân (x) với 10%. **(CV ngày 3081/TCT-CS ngày 09/08/2018)**

19. **Hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa xuất khẩu:** Một trong các điều kiện giải quyết hoàn thuế GTGT của hàng hóa xuất khẩu là tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thủ tục hải quan kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của tờ khai hải quan và các phụ lục đính kèm tờ khai hải quan (nếu có).

Trường hợp cơ quan thuế chưa rõ thông tin pháp lý nào thuộc tờ khai hải quan đã làm xong thủ tục hải quan thì cơ quan thuế tham vấn cơ quan hải quan để xác nhận thông tin về hàng hóa thực xuất hay không, làm căn cứ giải quyết hoàn thuế theo đúng quy định.

Hồ sơ hoàn đã được cơ quan thuế giải quyết và có thông báo thuộc trường hợp không được hoàn thuế thì hồ sơ hoàn thuế đó đã được kết thúc các bước công việc trong quy trình hoàn thuế tại cơ quan thuế. Nếu sau đó người nộp thuế đáp ứng điều kiện, thủ tục và có nhu cầu hoàn số thuế đã được thông báo không thuộc trường hợp được hoàn trước đây thì người nộp thuế nộp một bộ hồ sơ hoàn thuế mới với đầy đủ thông tin liên quan chứng minh đủ điều kiện hoàn thuế. Cơ quan thuế cập nhật hồ sơ hoàn thuế mới trên ứng dụng theo dõi hồ sơ, phân hệ giải quyết hoàn thuế và giải quyết hoàn thuế theo đúng quy trình giải quyết hồ sơ hoàn thuế hiện hành.

**(CV số 2890/TCT-KK ngày 25/07/2018)**

20. **Tiêu thức chữ ký điện tử của người mua trên hóa đơn điện tử:** Trường hợp người mua không phải là đơn vị kế toán hoặc là đơn vị kế toán nếu có các hồ sơ, chứng từ chứng minh việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ giữa người bán với người mua như: hợp đồng kinh tế, phiếu xuất kho, biên bản giao nhận hàng hóa, biên nhận thanh toán, phiếu thu,... thì người bán lập hóa đơn điện tử cho người mua theo quy định, trên hóa đơn điện tử không nhất thiết phải có chữ ký điện tử của người mua. **(CV số 2942/TCT-CS ngày 31/07/2018 và CV số 2402/BTC-TCT ngày 23/02/2016)**

## THUẾ TNDN

1. **Vốn nhà nước và thanh lý tài sản:** Vốn góp của công ty cổ phần (nhà nước nắm giữ 88,47% vốn điều lệ) tại Công ty con không phải vốn nhà nước mà là vốn của công ty cổ phần có vốn của nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác. Theo đó, thủ tục thanh lý tài sản của Công ty con được thực hiện như sau:

Về hạch toán kế toán thanh lý tài sản cố định (TSCĐ): Áp dụng quy định tại điểm 3.2 khoản 3 Điều 35 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp về việc hạch toán kế toán đối với trường hợp thanh lý TSCĐ và thủ tục thanh lý TSCĐ.

Về nguyên tắc quản lý, sử dụng, khấu hao và thanh lý TSCĐ: Công ty thực hiện theo quy định tại các Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty thực hiện theo quy định tại điều lệ tổ chức hoạt động, quy chế quản lý tài chính của Công ty bảo đảm phù hợp với pháp luật hiện hành, và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**(CV số 13538/BTC-TCDN ngày 02/11/2018)**

2. **Chính sách thuế đối với mua hàng hóa làm quà cho cán bộ, nhân viên không dùng quỹ phúc lợi:** Trường hợp Công ty có phát sinh chi phí mua hàng hóa bên ngoài để làm quà trung thu, quà tết cho cán bộ, công nhân viên không dùng quỹ phúc lợi thì nếu khoản chi phí mua hàng hóa dùng làm quà cho nhân viên không vượt quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế theo quy định thì Công ty được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN và được khấu trừ thuế GTGT đầu vào tương ứng với phần tính vào chi phí được trừ, đồng thời Công ty phải lập hóa đơn GTGT theo quy định. **(CV số 4003/TCT-CS ngày 17/10/2018)**

3. **Điều kiện để khấu trừ thuế GTGT và tính vào chi phí được trừ khi thanh toán bằng thẻ tín dụng cá nhân:** Trường hợp Công ty ủy quyền cho cá nhân là người lao động của Công ty sử dụng thẻ tín dụng cá nhân để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ cho người bán, sau đó Công ty sẽ thanh toán cho cá

nhân thông qua hình thức chuyển khoản ngân hàng từ tài khoản của Công ty đã đăng ký với cơ quan thuế vào tài khoản của cá nhân. Nếu hình thức thanh toán này được quy định cụ thể tại quy chế quản lý tài chính của Công ty hoặc Quyết định về việc ủy quyền của Công ty cho cá nhân; đồng thời các khoản chi nêu trên có đầy đủ hồ sơ, chứng từ chứng minh hàng hóa, dịch vụ được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, gồm: hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ mang tên và mã số thuế của Công ty; hồ sơ liên quan đến việc ủy quyền của doanh nghiệp cho cá nhân thanh toán với người bán và thanh toán lại với doanh nghiệp; chứng từ chuyển tiền từ tài khoản thẻ tín dụng của cá nhân cho người bán, chứng từ chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của Công ty cho cá nhân thì hình thức thanh toán trên được coi là đáp ứng đủ điều kiện chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, làm căn cứ để kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào và được tính, vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty có trách nhiệm lập và theo dõi danh sách các tài khoản thẻ tín dụng cá nhân của người lao động được ủy quyền để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ theo hình thức nói trên và cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi cần.

**(CV số 3686/TCT-CS ngày 28/09/2018 và CV số 5465/TCT-KK ngày 25/11/2016)**

4. **Phạt chậm nộp tiền thuế:** Trường hợp cơ quan thuế kiểm tra, thanh tra thuế phát hiện người nộp thuế có hành vi chậm nộp tiền thuế, hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn trong giai đoạn từ ngày 01/7/2007 đến trước ngày 01/7/2013, đến nay đã quá thời hiệu xử phạt theo quy định tại Khoản 2 Điều 110 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 thì người nộp thuế không bị xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi nêu trên nhưng vẫn phải nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế được hoàn cao hơn vào ngân sách nhà nước và phải nộp tiền chậm nộp kể từ ngày 01/7/2013 tính trên số tiền thuế chậm nộp, số tiền thuế được hoàn cao hơn theo các mức quy định tương ứng với từng thời kỳ. **(CV số 3277/TCT-PC ngày 24/08/2018)**
5. **Điều kiện miễn lập hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết:** Công ty hoạt động trong lĩnh vực khám, chữa các bệnh về mắt sử dụng kỹ thuật cao với dự án Bệnh viện mắt quốc tế Nhật Bản, không phải là hoạt động kinh doanh với chức năng đơn giản; hoạt động kinh doanh của Công ty không thuộc 01 trong 03 lĩnh vực (hoặc phân phối hoặc sản xuất hoặc gia công) để áp dụng các điều kiện được miễn lập hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết. Vì vậy, Công ty không thuộc trường hợp được miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết theo quy định. **(CV số 3260/TCT-TTr ngày 23/08/2018)**
6. **Chuẩn bị hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết:** Người nộp thuế là đối tượng áp dụng Nghị định 20/2017/NĐ-CP có nghĩa vụ chuẩn bị Hồ sơ toàn cầu trước thời điểm quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp và lưu giữ tại Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan thuế. Tại thời điểm quyết toán thuế TNDN, người nộp thuế kê khai và nộp Mẫu số 03 là danh mục các hồ sơ, tài liệu cung cấp kèm theo Hồ sơ toàn cầu (Hồ sơ, tài liệu chi tiết lưu tại đơn vị cùng Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan thuế). **(CV số 3170/TCT-TTr ngày 16/08/2018)**
7. **Xử phạt về hóa đơn:**

Trường hợp người bán sử dụng hóa đơn trong thời gian cơ quan thuế có Quyết định về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng hoặc Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký còn hiệu lực là hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp; cơ quan thuế thực hiện xử lý như sau:

Xử phạt đối với người mua: Người mua hàng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, không được kê khai khấu trừ thuế GTGT và tính chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Xử phạt đối với người bán: Trường hợp người bán sử dụng nhiều số hóa đơn bất hợp pháp thì khi bị phát hiện người bán bị xử phạt về hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp và có tình tiết tăng nặng do vi phạm trong thời gian đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính của cơ quan thuế.

**(CV số 2775/TCT-CS ngày 13/07/2018)**

## THUẾ TNCN

1. **Khoản trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động:**

Công ty tại Nhật Bản chi trả trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động cho người lao động (người Nhật Bản) đang làm việc tại Việt Nam theo diện biệt phái (với lý do được bổ nhiệm vào ban điều hành) là khoản tiền trợ cấp khi nghỉ việc, không phải là trợ cấp thôi việc theo pháp luật lao động Việt Nam.

Trường hợp khoản tiền trợ cấp nêu trên là khoản trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật lao động Nhật Bản và không vượt quá mức quy định của pháp luật lao động Nhật Bản về trợ cấp thôi việc thì không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của cá nhân.

Trường hợp khoản tiền trợ cấp nêu trên là khoản trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật lao động Nhật Bản và vượt quá mức quy định của pháp luật lao động Nhật Bản về trợ cấp thôi việc thì phần vượt tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của cá nhân.

Trường hợp khoản tiền trợ cấp nêu trên không phải là khoản trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật lao động Nhật Bản thì tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của cá nhân.

**(CV số 5361/TCT-DNNCN ngày 27/12/2018)**

2. **Tài khoản thanh toán tiền hàng xuất khẩu:** Trường hợp trên chứng từ thanh toán qua ngân hàng do ngân hàng phục vụ người xuất khẩu không thể hiện thông tin tài khoản ngân hàng của khách hàng nước ngoài phù hợp với thông tin trên hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả phụ lục hợp đồng) đã ký giữa khách hàng nước ngoài và doanh nghiệp Việt Nam thì chứng từ thanh toán này chưa đủ điều kiện để khấu trừ, hoàn thuế GTGT liên quan đến hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Trường hợp này, cơ quan thuế chỉ xét khấu trừ, hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu đã đảm bảo các điều kiện, trường hợp khấu trừ, hoàn thuế, trong đó có thông tin về tài khoản ngân hàng của khách hàng nước ngoài phù hợp với thông tin trên hợp đồng mua bán (bao gồm cả phụ lục hợp đồng) theo quy định hiện hành; đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu mà chứng từ thanh toán chưa có đủ thông tin tài khoản chuyển tiền thanh toán thì tạm chưa xét hoàn thuế, chờ người nộp thuế bổ sung thông tin.

Trường hợp Công ty đã đề nghị Ngân hàng ở Việt Nam (nơi Công ty nhận tiền thanh toán) cung cấp thông tin về tài khoản đã chuyển tiền thanh toán của khách hàng nước ngoài nhưng không có được thông tin do Ngân hàng nước ngoài bảo mật thông tin, thì Công ty phải đề nghị khách hàng nước ngoài yêu cầu Ngân hàng (nơi khách hàng đề nghị chuyển tiền thanh toán) cung cấp cho Ngân hàng ở Việt Nam về thông tin tài khoản ngân hàng đã chuyển tiền thanh toán có liên quan. Khi có xác nhận của Ngân hàng ở Việt Nam về thông tin cụ thể tài khoản chuyển tiền thanh toán có liên quan, Công ty bổ sung hồ sơ đề nghị cơ quan thuế tiếp tục xem xét hoàn thuế theo quy định.

**(CV số 5018/TCT-KK ngày 13/12/2018)**

3. **Kê khai, nộp thuế TNCN:** Trường hợp bệnh viện tổ chức hoạt động khám chữa bệnh dịch vụ và chi trả tiền bồi dưỡng cho người lao động theo quy chế chi tiêu nội bộ của bệnh viện, không theo quy định của Luật Lao động thì khoản thu nhập người lao động nhận được từ hoạt động này là khoản thu nhập thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công theo Luật Thuế TNCN. **(CV số 4809/TCT-DNNVV&HKD, CN ngày 03/12/2018)**

4. **Chính sách thuế TNCN đối với khoản chi công tác phí của dự án viện trợ:** Trường hợp Tổ chức chi tiền công tác phí cho cá nhân đi công tác đối với dự án viện trợ không hoàn lại bằng nguồn tài trợ và theo định mức chi theo quy định chung của nhà tài trợ, hoặc các định mức chi được xác định và ghi trong thỏa thuận tài trợ thì khoản chi công tác phí này không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân. Trường hợp khoản chi công tác phí này cao hơn định mức chi theo quy định chung của nhà tài trợ, hoặc các định mức chi được xác định và ghi trong thỏa thuận tài trợ thì phần chi vượt phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.

Trường hợp Tổ chức chi tiền công tác phí cho cá nhân đi công tác đối với dự án viện trợ có hoàn lại bằng nguồn tài trợ và theo định mức chi quy định tại Thông tư số 219/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) thì khoản chi công tác phí này không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân. Trường hợp khoản chi công tác phí này cao hơn định mức chi quy định tại Thông tư số 219/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) thì phần chi vượt phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.

**(CV số 4571/TCT-TNCN ngày 20/11/2018)**

5. **Vướng mắc chính sách thuế TNCN:**

Trường hợp tổ chức trả thu nhập không ký hợp đồng lao động hoặc ký hợp đồng lao động dưới 3 tháng trả thu nhập theo từng lần phát sinh từ 2.000.000 đồng/lần trở lên thì thực hiện khấu trừ thuế TNCN theo quy định.

Trường hợp, trong năm người lao động có nhiều lần thu nhập 2.000.000 đồng/lần trở lên tại cùng một tổ chức trả thu nhập ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi giảm trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế thì cá nhân đó lập một bản cam kết theo mẫu 02/CK-TNCN ban hành

kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính. Tổ chức trả thu nhập tạm thời chưa khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của cá nhân đối với từng lần chi trả trên 2 triệu đồng.

Trường hợp, trong năm người lao động có nhiều lần thu nhập 2.000.000 đồng/lần trở lên tại nhiều tổ chức trả thu nhập mà ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi giảm trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế thì cá nhân đó lập bản cam kết tại từng đơn vị chi trả thu nhập theo mẫu 02/CK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC. Tổ chức trả thu nhập tạm thời chưa khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của cá nhân đối với từng lần chi trả trên 2 triệu đồng.

Trường hợp cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 3 tháng trở lên mà có thêm thu nhập vắng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ thuế tại nguồn theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu thì không quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

Trường hợp cá nhân trong năm có thu nhập không quá 120 triệu đồng/năm nhưng có thu nhập dưới 2 triệu chưa được khấu trừ thuế tại nguồn theo tỷ lệ 10 % thì khoản thu nhập này được tính vào thu nhập chịu thuế khi quyết toán thuế. Trong trường hợp này, cá nhân có thu nhập phải tự đi quyết toán thuế với cơ quan thuế theo quy định.

**(CV số 4389/TCT-TNCN ngày 08/11/2018)**

6. **Thuế TNCN với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:** Trường hợp cá nhân bán lại cổ phần ưu đãi cho Công ty do nghi việc trước thời hạn cam kết thì giá chuyển nhượng chứng khoán là thực tế chuyển nhượng thực hiện qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam hoặc giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của Công ty tại thời điểm lập báo cáo tài chính gần nhất theo quy định của pháp luật về kế toán trước thời điểm chuyển nhượng. **(CV số 4023/TCT-TNCN ngày 17/10/2018)**

7. **Thuế chuyển lợi tức về Việt Nam:** Trường hợp đối tượng cư trú của Việt Nam tham gia góp vốn đầu tư thành lập công ty tại Singapore thì phải nộp thuế TNCN tại Việt Nam đối với thu nhập từ đầu tư vốn với thuế suất 5%. Trường hợp đối tượng cư trú đã nộp thuế đối với tiền lãi cổ phần tại Singapore thì sẽ được khấu trừ vào số thuế phải nộp ở Việt Nam, tuy nhiên, số thuế được khấu trừ không vượt quá phần thuế TNCN phải nộp tại Việt Nam. Trường hợp đối tượng cư trú không nộp thuế đối với lãi cổ phần tại Singapore thì sẽ không được khấu trừ vào số thuế TNCN phải nộp tại Việt Nam. **(CV số 3849/TCT-HTQT ngày 10/10/2018)**

8. **Một số lưu ý về thuế TNCN:** Công ty không thực hiện quyết toán thuế TNCN đối với các lao động có hợp đồng dưới 1 tháng, đối với các lao động dài hạn đã nghỉ việc trước thời điểm quyết toán.

Công ty thực hiện quyết toán thuế TNCN cho những lao động có hợp đồng lao động từ 03 (ba) tháng trở lên và đang làm việc tại thời điểm quyết toán nếu được cá nhân ủy quyền.

Đối với các cá nhân có thu nhập bình quân tháng dưới mức 9 triệu, nếu trong năm Công ty đã thực hiện khấu trừ thuế TNCN, Công ty phải cấp chứng từ khấu trừ thuế theo yêu cầu của cá nhân đối với số thuế TNCN đã khấu trừ. Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán thuế, Công ty không cấp chứng từ khấu trừ.

**(CV số 3681/TCT-TNCN ngày 28/09/2018)**

9. **Xác định thu nhập chịu thuế khi tính thuế TNCN:** Trường hợp công ty thuê người lao động là người nước ngoài, các khoản chi phí liên quan đến hoạt động xin cấp phép được công ty chi trả là trách nhiệm của Doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (không phải là lợi ích của người lao động) và được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thì không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động. Các khoản chi mà Doanh nghiệp chi trả thay cho cá nhân người lao động thì các khoản chi này tính vào thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công và kê khai nộp thuế TNCN theo quy định. **(CV số 3545/TCT-TNCN ngày 20/09/2018)**

10. **Người phụ thuộc:** Trường hợp cô ruột của người nộp thuế không nơi nương tựa mà người nộp thuế đang phải trực tiếp nuôi dưỡng và đáp ứng các điều kiện tại điểm đ, khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính nêu trên thì cô ruột được tính là người phụ thuộc của người nộp thuế. Trường hợp cô ruột của vợ người nộp thuế thì không được tính là người phụ thuộc của người nộp thuế. **(CV số 3293/TCT-TNCN ngày 27/08/2018)**

11. **Tiền nhà ở:** Trường hợp Công ty có chi trả tiền thưởng cho người lao động, khoản tiền thưởng bao gồm tiền nhà ở thì khoản tiền nhà nằm trong tiền thưởng này được tính vào thu nhập từ tiền lương, tiền công nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh. **(CV số 3256/TCT-TNCN ngày 23/08/2018)**

12. **Khấu trừ thuế TNCN đối với các khoản thanh toán khi nghỉ việc:** Khoản trợ cấp thôi việc cho người lao động nghỉ việc theo đúng quy định của pháp luật thì không tính vào thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công của người lao động.

Đối với các khoản thu nhập của người lao động nằm ngoài quy định của Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và hợp đồng lao động giữa người lao động và cơ quan chi trả sau khi đã chấm dứt hợp đồng lao động tại cơ quan chi trả, nếu khoản chi này từ hai triệu (2.000.000) đồng trở lên thì Công ty phải khấu trừ thuế TNCN theo mức 10% trên tổng thu nhập chi trả.

**(CV số 3257/TCT-TNCN ngày 23/08/2018)**

13. **Chi phí quảng cáo:** về nguyên tắc trường hợp Google, Facebook (Nhà thầu nước ngoài) ký hợp đồng với doanh nghiệp Việt Nam (bên Việt Nam) để cung cấp dịch vụ quảng cáo trên ứng dụng Google, Facebook và phát sinh thu nhập tại Việt Nam thì Google, Facebook thuộc đối tượng nộp thuế nhà thầu (thuế GTGT, thuế TNDN) tại Việt Nam. Doanh nghiệp Việt Nam có trách nhiệm khai, khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài theo quy định.

Trường hợp doanh nghiệp có phát sinh quảng cáo trực tuyến trên Facebook, Google nếu khoản chi này đáp ứng đủ các điều kiện thực tế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp mang tên, địa chỉ, mã số thuế của doanh nghiệp (trường hợp bên bán không cung cấp hoá đơn thì phải có tờ khai và chứng từ nộp thuế nhà thầu nước ngoài theo quy định) và chứng từ thanh toán theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

**(CV số 3149/TCT-CS ngày 15/08/2018)**

### THUẾ KHÁC, PHÍ, LỆ PHÍ

1. **Chính sách thuế TTĐB:** Hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB nhập khẩu (trong đó có mặt hàng bia, rượu) khi nhập khẩu cơ sở kinh doanh phải kê khai nộp thuế TTĐB và khi bán ra trong nước cũng phải kê khai, tính nộp thuế TTĐB và số thuế tiêu thụ đặc biệt nhập khẩu đã nộp tại khâu nhập khẩu được khấu trừ khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bán ra. **(CV số 5381/TCT-CS ngày 27/12/2018)**

2. **Thuế tài nguyên và phí BVMT khai thác khoáng sản:** Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh mua vật tư cát, đất để san lấp công trình (có hợp đồng mua bán và hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp) để thực hiện gói thầu thi công thì không thuộc đối tượng nộp thuế tài nguyên.

Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh không tổ chức thu mua gom cát, đất phải đăng ký nộp thay người khai thác theo quy định tại khoản 1, Điều 6 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP nêu trên thì không phải khai nộp phí bảo vệ môi trường với cơ quan thuế quản lý cơ sở thu mua vật tư cát, đất để thực hiện gói thầu.

**(CV số 4833/TCT-CS ngày 04/12/2018)**

3. **Khấu trừ thuế TTĐB:** Trường hợp doanh nghiệp đã kê khai và nộp thuế TTĐB ở khâu nhập khẩu, sau đó Cơ quan Hải quan ra quyết định ấn định thuế TTĐB đầu vào phải nộp cho hàng hóa nhập khẩu, doanh nghiệp đã nộp thuế TTĐB tăng thêm vào ngân sách nhà nước thì doanh nghiệp không được tính số thuế TTĐB đầu vào thực nộp tăng thêm này vào số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu để khấu trừ khi xác định số thuế TTĐB phải nộp bán ra trong nước.

Doanh nghiệp thực hiện hạch toán số thuế TTĐB thực nộp tăng thêm nêu trên vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính. **(CV số 8434/BTC-TCHQ ngày 16/07/2018)**

### XUẤT- NHẬP KHẨU

1. **Miễn thuế, hoàn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công SXKK:** - Trường hợp doanh nghiệp nội địa nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất xuất khẩu, sau đó, sản phẩm sau quá trình gia công, sản xuất xuất khẩu được xuất vào kho ngoại quan nếu đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 nêu trên thì được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu ban đầu.

Trường hợp doanh nghiệp nội địa đã nộp thuế đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh, sau đó sản phẩm sản xuất ra được xuất vào kho ngoại quan nếu đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 nêu trên thì được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu ban đầu.

Trường hợp doanh nghiệp đã xuất khẩu sản phẩm vào kho ngoại quan nhưng sau đó làm thủ tục nhập khẩu trở lại nội địa thì phải nộp thuế nhập khẩu theo quy định.

**(CV số 7928/TXNK-CST ngày 04/12/2018)**

2. **Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu:** Từ ngày 01/9/2016, trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để sản xuất hàng xuất khẩu nhưng không trực tiếp sản xuất toàn bộ hàng hóa xuất khẩu mà giao một phần hoặc toàn bộ hàng hóa đã nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công hoặc sản xuất một hoặc một số công đoạn sau đó nhận lại sản phẩm để tiếp tục sản xuất và xuất khẩu sản phẩm; trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để sản xuất hàng xuất khẩu, đã đưa hàng hóa nhập khẩu vào sản xuất, sau đó thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công hoặc sản xuất một hoặc một số công đoạn và nhận lại sản phẩm để tiếp tục sản xuất và/hoặc xuất khẩu sản phẩm thì không đáp ứng cơ sở xác định hàng hóa được miễn thuế, hoàn thuế theo quy định tại Nghị định 134/2016/NĐ-CP nên phần hàng hóa nhập khẩu đã đưa cho doanh nghiệp khác sản xuất hoặc gia công không thuộc đối tượng được miễn thuế, hoàn thuế nhập khẩu.

Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế, tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa thực hiện kê khai trên tờ khai hải quan mới. Chính sách quản lý hàng hóa, chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới trừ trường hợp đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu.

Trường hợp tổ chức, cá nhân không thực hiện khai thay đổi mục đích sử dụng như quy định nêu trên, cơ quan hải quan thực hiện ấn định thuế theo quy định. Căn cứ tính thuế, thời điểm tính thuế, tỷ giá tính thuế, trị giá tính thuế của nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu thực hiện theo tờ khai nhập khẩu ban đầu. Ngoài ra, cơ quan hải quan thực hiện tính tiền chậm nộp và xử phạt vi phạm hành chính (nếu có) theo quy định đối với số hàng hóa này.

Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu không quy định miễn thuế đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu được vay, mượn từ doanh nghiệp khác để làm nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu.

**(CV số 6690/TXNK-CST ngày 30/10/2018)**

3. **Xử lý thuế đối với hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất (DNCX):**

Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài vào DNCX đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 và chỉ sử dụng trong DNCX không thuộc đối tượng chịu thuế nhập khẩu, thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

**(CV số 6713/TXNK-CST ngày 30/10/2018)**

4. **Án định thuế hàng nhập khẩu để gia công, sản xuất xuất khẩu:**

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu đã sử dụng ở Việt Nam có thay đổi mục đích sử dụng so với mục đích đã được xác định thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế thì trị giá hải quan là giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán tại thời điểm chuyển đổi mục đích sử dụng, được xác định như sau:

Trường hợp tờ khai hải quan lần đầu đã xác định được số liệu về số tiền thuế hoặc căn cứ tính thuế:

Trường hợp hàng hóa chuyển đổi mục đích sử dụng thuộc nhiều tờ khai hải quan khác nhau nhưng trên các tờ khai xuất khẩu hoặc nhập khẩu lần đầu đã xác định được số tiền thuế thì số tiền thuế ấn định là số tiền thuế trung bình, được xác định theo công thức tại khoản 27 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC.

Thời hạn nộp tiền thuế ấn định và tính tiền chậm nộp tính theo thời hạn nộp thuế của tờ khai hải quan cuối cùng.

Trường hợp tờ khai hải quan lần đầu không xác định được số liệu về số tiền thuế hoặc căn cứ tính thuế:

Trường hợp trên các tờ khai xuất khẩu hoặc nhập khẩu lần đầu không có số liệu về số tiền thuế hoặc không xác định được căn cứ tính thuế thì cơ quan hải quan thực hiện ấn định thuế dựa trên tên hàng, số lượng, chủng loại, trị giá tính thuế, mức thuế, tỷ giá tính thuế, phương pháp tính thuế tại thời điểm ban hành quyết định ấn định thuế.

Trị giá tính thuế đối với hàng hóa bị ấn định thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư 39/2015/TT-BTC.

Thời hạn nộp tiền thuế ấn định thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 42 Thông tư 39/2018/TT-BTC, cụ thể như sau:

Các tờ khai hải quan đăng ký kể từ ngày 01/7/2013, cơ quan hải quan ấn định số tiền thuế phải nộp thì thời hạn nộp tiền thuế ấn định được áp dụng theo thời hạn nộp thuế của tờ khai đó;

Các tờ khai hải quan đăng ký trước ngày 01/7/2013, nhưng cơ quan hải quan ban hành quyết định ấn định thuế từ ngày Thông tư 38/2015/TT-BTC có hiệu lực thì thời hạn nộp thuế đối với số tiền thuế ấn định là ngày cơ quan hải quan ban hành quyết định ấn định thuế.

**(CV số 6256/TXNK-CST ngày 17/10/2018)**

5. **Chi phí vận tải và các chi phí có liên quan đến việc vận chuyển:** Doanh nghiệp chỉ thực hiện khai báo chi phí vận tải và các chi phí có liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa đến cửa khẩu nhập đầu tiên nếu các khoản chi phí này thuộc khoản điều chỉnh cộng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 13 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 và đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2015/TT-BTC.

Cửa khẩu nhập đầu tiên đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không là cảng dỡ hàng ghi trên vận đơn theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018.

Đối với chi phí vận tải và các chi phí có liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa trả cho những hoạt động phát sinh sau khi hàng hóa nhập khẩu đến cửa khẩu nhập đầu tiên (ví dụ: phí DO, phí vệ sinh container) hoặc không đáp ứng đồng thời các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2015/TT-BTC thì không phải cộng vào trị giá hải quan nhưng một số Cục Hải quan tỉnh, thành phố vẫn thực hiện cộng vào trị giá hải quan.

**(CV số 5475/TCHQ-TXNK ngày 20/09/2018)**

6. **Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu:** Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để sản xuất hàng xuất khẩu nhưng không trực tiếp sản xuất toàn bộ hàng hóa xuất khẩu mà giao một phần hoặc toàn bộ hàng hóa đã nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công hoặc sản xuất một hoặc một số công đoạn sau đó nhận lại sản phẩm để tiếp tục sản xuất và xuất khẩu sản phẩm; trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để sản xuất hàng xuất khẩu, đã đưa hàng hóa nhập khẩu vào sản xuất, sau đó thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công hoặc sản xuất một hoặc một số công đoạn và nhận lại sản phẩm để tiếp tục sản xuất và/hoặc xuất khẩu sản phẩm thì không đáp ứng cơ sở xác định hàng hóa được miễn thuế theo quy định tại Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ (không đáp ứng điều kiện có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với máy móc, thiết bị tại cơ sở sản xuất phù hợp với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu) nên phần hàng hóa nhập khẩu đã đưa cho doanh nghiệp khác sản xuất hoặc gia công không thuộc đối tượng được miễn thuế nhập khẩu.

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa thực hiện kê khai trên tờ khai hải quan mới. Chính sách quản lý hàng hóa, chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới trừ trường hợp đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu.

Trường hợp tổ chức, cá nhân không thực hiện khai thay đổi mục đích sử dụng như quy định nêu trên, cơ quan hải quan thực hiện ấn định thuế theo quy định. Căn cứ tính thuế, thời điểm tính thuế, tỷ giá tính thuế, trị giá tính thuế của nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu thực hiện theo tờ khai nhập khẩu ban đầu. Ngoài ra, cơ quan hải quan thực hiện tính tiền chậm nộp và xử phạt vi phạm hành chính (nếu có) theo quy định đối với số hàng hóa này.

**(CV số 5724/TXNK-CST ngày 27/09/2018)**

7. **Hoàn thuế nhập khẩu:** Trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu nhưng không trực tiếp sản xuất toàn bộ hàng xuất khẩu mà đưa một phần hoặc toàn bộ hàng hóa đã nhập khẩu cho doanh nghiệp khác thực hiện gia công sau đó nhận lại sản phẩm sau gia công để xuất khẩu sản phẩm thì không đáp ứng cơ sở xác định hàng hóa được hoàn thuế theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP nên không đủ điều kiện để được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp đối với phần hàng hóa nhập khẩu đưa đi gia công. **(CV số 4299/TXNK-CST ngày 02/08/2018)**

8. **Về thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu:**

Từ ngày 01/09/2016, trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để sản xuất hàng xuất khẩu nhưng không trực tiếp sản xuất toàn bộ hàng hóa xuất khẩu mà đưa một phần hoặc toàn bộ hàng hóa đã nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công một hoặc một số công đoạn sau đó nhận lại sản phẩm sau gia công để tiếp tục sản xuất và xuất khẩu sản phẩm hoặc đưa hàng hóa nhập khẩu vào sản xuất, sau đó thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công một hoặc một số công đoạn, nhận lại sản phẩm sau gia công để tiếp tục sản xuất và/hoặc xuất khẩu sản phẩm thì không đáp ứng cơ sở xác định hàng hóa được miễn thuế theo quy định tại Nghị định 134/2016/NĐ-CP nên không được miễn thuế nhập khẩu đối với phần hàng hóa nhập khẩu đưa đi gia công.

**(CV số 8628/BTC-TCHQ ngày 19/07/2018)**



9. **Xử lý thuế hàng sản xuất xuất khẩu:** Hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu không còn nhu cầu buộc phải tiêu hủy; nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu đã được đưa vào sản xuất ra bán thành phẩm, thành phẩm nhưng bị hư hỏng buộc phải tiêu hủy phải kê khai nộp thuế nhập khẩu. (**CV số 3862/TXNK-CST ngày 16/07/2018**)
10. **Chính sách thuế đối với phế liệu, phế phẩm dư thừa:** Đối với phế liệu phế phẩm thu được trong quá trình gia công nếu chuyển đổi mục đích sử dụng (tiêu thụ nội địa) thì trị giá hải quan là giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán tại thời điểm chuyển đổi mục đích sử dụng, được xác định theo nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan quy định tại Thông tư số 39/2015/TT-BTC (**CV số 3747/TXNK-CST ngày 10/07/2018**)

## KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

1. **Chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ:** Ngày 28/12/2018, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 132/2018/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ

Đối tượng áp dụng là các doanh nghiệp siêu nhỏ, bao gồm các doanh nghiệp siêu nhỏ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp tính trên thu nhập tính thuế và phương pháp theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ.

Doanh nghiệp siêu nhỏ có thể lựa chọn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Doanh nghiệp siêu nhỏ nghiệp áp dụng chế độ kế toán phải nhất quán trong một năm tài chính. Việc thay đổi chế độ kế toán áp dụng chỉ được thực hiện tại thời điểm đầu năm tài chính kế tiếp.

Các doanh nghiệp siêu nhỏ được bố trí phụ trách kế toán mà không bắt buộc phải bố trí kế toán trưởng. Các doanh nghiệp siêu nhỏ được ký hợp đồng với đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán để thuê dịch vụ làm kế toán hoặc dịch vụ làm kế toán trưởng theo quy định của pháp luật.

Doanh nghiệp siêu nhỏ nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ nếu không có nhu cầu thì không bắt buộc phải mở các tài khoản kế toán mà chỉ ghi đơn trên sổ kế toán (chỉ ghi chép nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào khoản mục cần theo dõi mà không cần phản ánh các tài khoản đối ứng) để theo dõi các khoản doanh thu và thu nhập, các khoản thuế phải nộp nhà nước, các khoản tiền lương và các khoản trích theo lương,... phục vụ cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp với ngân sách nhà nước.

Doanh nghiệp siêu nhỏ nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không bắt buộc phải lập báo cáo tài chính để nộp cho cơ quan thuế mà chỉ thực hiện các báo cáo theo quy định của pháp luật thuế. Ngoài báo cáo theo quy định của pháp luật về thuế, căn cứ vào các thông tin về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, tiền lương và các khoản nộp theo lương,... các doanh nghiệp siêu nhỏ có thể lập các báo cáo kế toán phục vụ cho quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Thông tư 132/2018/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2019, áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/4/2019.

## LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

1. **Được miễn thủ tục gửi thang, bảng lương đối với doanh nghiệp dưới 10 lao động:**

Theo Nghị định số 121/2018/NĐ-CP ngày 13/09/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về tiền lương thì: Đối với doanh nghiệp sử dụng dưới 10 lao động được miễn thủ tục gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp huyện nơi đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

2. **Chế độ tiền lương, BHXH đối với người lao động:**

Trường hợp người lao động trong cùng một ngày vừa có thời gian đi làm, vừa có thời gian nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau thì thời gian nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau, người sử dụng lao động không phải trả lương cho người lao động; thời gian người lao động thực sự làm việc, người sử dụng lao động phải trả lương cho người lao động theo quy định của pháp luật. (**CV số 4640/LĐTBXH-BHXH ngày 02/11/2018**)

3. **Tiền lương đóng BHXH bắt buộc từ ngày 01/01/2018:**

Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không bao gồm các khoản chế độ và phúc lợi khác như tiền thưởng theo quy định tại Điều 103 của Bộ luật Lao động, tiền thưởng sáng kiến; tiền ăn giữa ca; các khoản hỗ trợ xăng xe, điện thoại, đi lại, tiền nhà ở, tiền giữ trẻ, nuôi con nhỏ; hỗ trợ khi người lao động có thân nhân bị chết, người lao động có người thân kết hôn, sinh nhật của người lao động,

trợ cấp cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các khoản hỗ trợ, trợ cấp khác ghi thành mục riêng trong hợp đồng lao động.

Phụ cấp ca và phụ cấp chuyên cần nếu không xác định được trước thì không phải là khoản bổ sung khác phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

***(CV số 3016/LĐTBXH-BHXH ngày 30/07/2018)***